

CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

CÁC KẾT QUẢ Nghiên cứu khoa học và Ứng dụng công nghệ

SỐ 7 - THÁNG 5/2018



Website: <http://tapchicongthuong.vn>



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Trần Tuấn Anh

GS.TS. Đinh Văn Sơn

GS.TS. Trần Thọ Đạt

GS.TS. Nguyễn Bách Khoa

GS.TSKH. Đặng Ứng Vận

GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê

PGS.TS. Lê Văn Tân

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Trần Văn Địch

GS.TS. Phạm Minh Tuấn

GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh

GS.TS. Võ Khánh Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. Đặng Thị Ngọc Thu

ĐT: 04.62694445 - 0903231715

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Ngô Thị Diệu Thúy

ĐT: 04.22218228 - 0903223096

TÒA SOẠN

Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Ban Trị sự - ĐT: 04.22218238

Fax: 04.22218237

Ban Thư ký - Xuất bản

ĐT: 04.22218230

Ban Biên tập - ĐT: 04.62701436

Ban Phóng viên - ĐT: 04.22218239

Ban Chuyên đề - ĐT: 04.22218229

Ban Tạp chí Công Thương Điện tử

ĐT: 04.22218232

Email: online@tapchicongthuong.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 173 Hai Bà Trưng, Phường 6,

Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38213488 - Fax: (08) 38213478

Email: pddtapchicongthuong@gmail.com

Giấy phép hoạt động báo chí số:

60/GP-BTTTT

Cấp ngày 05/3/2013

Trình bày: Tại Tòa soạn

In tại Công ty CP Đầu tư và

Hợp tác quốc tế

Giá 40.000 đồng

MỤC LỤC

CONTENTS

ISSN: 0866-7756 số 7 - Tháng 5/2018

LUẬT

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

- Một số vấn đề về chủ thể kinh doanh nhỏ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành
Issues on small business subjects under the provision with current law of Vietnam 9

TRẦN VĂNG PHỦ

- Vai trò giám sát và phản biện của Mặt trận Tổ quốc trong quá trình Nhà nước thu hồi đất
The role of supervision and criticism of the Vietnamese Fatherland Front in the process of land recovery by the State 14

NGUYỄN TRỌNG TUẤN

- Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập hiện nay
Autonomy of public higher education institutions 19

ĐÀO THỊ NGỌC ÁNH

- Pháp luật về quyền tự chủ của các cơ sở đào tạo đại học ở Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra
Laws of autonomy of higher education institutions in Vietnam - Theoretical and practical issues 24

TRẦN VĂN HƯNG

- Thể chế quan hệ lao động tại Việt Nam trong 30 năm đổi mới
Labor relations in Vietnam in 30 years of renovation 30

NGUYỄN XUÂN THÀNH

- Thực tiễn áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự tại các tỉnh thành miền Tây Nam bộ
Applying preventive measures in criminal proceedings in the provinces of the Mekong River Delta 36

NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP

- Các nhân tố tác động đến việc chấp hành pháp luật về thuế của
các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh
The factors affecting the tax compliance of small and medium enterprises (SMES) in Ho Chi Minh City 44

HÀ VIỆT HƯNG

- Hoàn thiện một số qui định về trách nhiệm của người vận chuyển hàng hóa
quốc tế bằng đường biển theo pháp luật hàng hải Việt Nam
Finalyzing some regulations on the responsibility of international
carriage of goods by sea under Vietnamese maritime law 51

NGUYỄN THỊ DIỄM HƯỜNG - HOÀNG NHƯ THÁI

- Đề nghị giao kết hợp đồng trong Bộ luật Dân sự 2015 và Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
Request to enter into a contract in the Civil Code 2015 and the Vienna
Convention 1980 on international contract for the sale of goods 56

NGUYỄN KỲ NGUYỄN TRÃI

- Giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát nguồn khí thải công nghiệp ở Việt Nam
Solutions for improving the law on controlling industrial emission sources in Vietnam 61

TOUDOUACHI CHAOVANG

Pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào
The law on complaints and settlement of complaints of the Lao People's Democratic Republic 67

TRỊNH THỊ HẰNG - NGUYỄN THỊ THANH TRÂM

Một số vướng mắc về hợp đồng đào tạo nghề được quy định trong pháp luật lao động và kiến nghị hoàn thiện
Some issues related to vocational training contracts
provided for in Labor Code and recommendations for improvement 73

KINH TẾ**HÀ LÂM OANH - NGUYỄN TRUNG HIẾU**

Kỳ vọng lạm phát của hộ gia đình tại Thành phố Hồ Chí Minh
Inflation expectation of households in Ho Chi Minh city 78

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Rào cản kỹ thuật đối với hàng nông sản của Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản
Technical barriers to agricultural products of Vietnam when exported to Japan 84

TRẦN VIỆT TRANG

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành phố Hải Phòng
Attract foreign direct investment in Hai Phong city 90

NGUYỄN ĐÌNH BÌNH

Phát triển kinh tế biển và vấn đề bảo vệ chủ quyền biển - đảo Kiên Giang
Marine economic development and the issue of protecting sea sovereignty - Kien Giang island 96

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Đánh giá tác động kinh tế - chính trị - an ninh quốc phòng khi đầu tư vào huyện đảo Phú Quốc
Assessment of economic - political - security and defense impact when investing in Phu Quoc island district 104

TRẦN THANH LONG

Giải pháp cải thiện kết quả kinh doanh xuất khẩu của doanh nghiệp dệt may Việt Nam
Solutions to improve the export performance of Vietnam textile and garment enterprises 109

NGUYỄN MẠNH HÙNG - TẠ THU HỒNG NHUNG

Nền kinh tế Việt Nam và triển vọng trở thành trung tâm chế biến, chế tạo mới của thế giới
Vietnam's economy and prospects become the new processing center of the world 115

LÊ NỮ MINH PHƯƠNG - BÙI ĐỨC TÍNH

Xây dựng mô hình liên kết các hộ nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
Establishing the cooperation model for shrimp farming households in Quang Binh province 120

QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ**NGUYỄN THỊ DƯỢC**

Tác động của các hoạt động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến sự tin tưởng
của khách hàng - Nghiên cứu trong các hệ thống siêu thị bán lẻ tại Việt Nam
The impact of corporate social responsibility activities
on customers' trust - Research in retail supermarkets in Vietnam 126

THẠCH MINH QUÂN

Xây dựng mô hình học trực tuyến hỗ trợ cho hình thức đào tạo truyền thống
Building the model of e-learning supporting traditional learning 136

HÀ QUANG THANH

Các giải pháp đổi mới tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 08/NQ-CP

Solutions to renovate the organization of the public service delivery units under Resolution No. 08 / NQ-CP 142

VĂN THỊ HOÀN

Nâng cao đạo đức công chức trong bối cảnh xây dựng Chính phủ kiến tạo ở Việt Nam

Improving the morality of civil servants in the context of building government in Vietnam 148

MAI THỊ QUỲNH NHƯ

Ảnh hưởng của văn hóa kinh doanh đến việc thực hiện trách nhiệm quản lý

và điều hành các ngân hàng thương mại tại Việt Nam

The impact of business culture on the performing responsibility of managing

and operating commercial banks in Vietnam 154

TRẦN THỊ HOA LÝ

Đề xuất các nhóm giải pháp thúc đẩy tăng năng suất lao động

Proposing solutions to improve productivity 158

NGUYỄN ĐÌNH HÒA - PHẠM YẾN NHỊ - VŨ BÁ THÀNH - LÊ BÁ THƯỜNG

Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của giảng viên tại trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh

Factors influencing the knowledge sharing behavior of faculty at the university in Ho Chi Minh City 162

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH - PHẠM THU TRANG

Điều kiện lao động của người lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp khai thác than hầm lò tại Quảng Ninh

Labor conditions of workers in underground coal mining enterprises in Quang Ninh 170

LÊ THỊ HUYỀN TRÂM

Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên về công tác phục vụ đào tạo tại Trường Đại học Duy Tân

Studying satisfaction of students about the training service assignment at Duy Tan University 176

NGUYỄN THỊ KIM ANH - CAO MINH HÙNG

Cải thiện môi trường đầu tư tại khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quang Ngãi

Improving the investment environment in Dung Quat economic zone, Quang Ngai province 181

LE NA - HOANG MI

Assessment of legal framework for state-owned enterprises and making suggestions

Đánh giá khung pháp lý về quản trị doanh nghiệp nhà nước và kiến nghị hoàn thiện 188

ĐẶNG HỒNG SƠN

Phương pháp tiếp cận theo quan điểm hành vi trong quá trình tuyển dụng của quản trị nhân lực

Behavioral approach in the recruitment process of human resources management 195

HÀ VĂN DŨNG

Các yếu tố tác động đến sự hài lòng trong công việc của công chức,

viên chức và người lao động Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang

Factors influencing job satisfaction of public servants, employees

and laborers Tien Giang Department of Agriculture and Rural Development 200

PHẠM THỊ TRÂM ANH

Tác động của chia sẻ tri thức trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học tại Việt Nam

The impact of knowledge sharing on improving the quality of higher education in Vietnam 207

LÊ CÔNG TÂM

Tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long

The impact of climate change on agricultural production in the Mekong Delta 213

NGUYỄN NGỌC DUY PHƯƠNG - NGUYỄN VĂN NAM

Đo lường cung ứng dịch vụ công cấp quận theo kinh nghiệm thực tiễn

của doanh nghiệp và người dân: Hàm ý thực thi chính sách

Measuring district-level public service delivery according to practical experience

of enterprises and citizens: Policy implementation implications 218

HOÀNG VĂN MẠNH

Tăng cường trách nhiệm giải trình nhằm thúc đẩy các trường đại học Việt Nam đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội
Strengthening accountability for enhancing Vietnam higher
education constitutes' training activities to meet social need 225

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ thuê ngoài của các doanh nghiệp
nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Trường hợp thuê vật chất
Factors influencing the decision to use outsourced services of small
and medium enterprises in Tra Vinh province: Case of material lease 233

VŨ THỊ KIM LIÊN

Ứng dụng E-learning - Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho các doanh nghiệp
Application of E-learning - Solution to increase the training quality for enterprises 239

NGUYỄN VĂN VŨ - MAI NGỌC KHƯƠNG

Chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh
Policy for enhancing tourism human resources in Ho Chi Minh City 245

NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG

Một số giải pháp nâng cao năng lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam
Measures to improve the capacity of lecturers in higher education institutions in Vietnam 251

LƯU THE VINH

Recruitment practices of the provincial universities in the Northern midland and mountainous region of Vietnam
Thực hành tuyển dụng của các trường đại học cấp tỉnh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam 256

NGUYỄN NGỌC MAI

Mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến việc duy trì nhân tài tại
các ngân hàng thương mại - Trường hợp nghiên cứu tại Đông Nam bộ
Relationship of factors affecting talent retention in commercial
banks - Empirical case of banks in the southeast of Vietnam 262

KINH DOANH

TRẦN THỊ THANH XUÂN - NGUYỄN THỊ MAI - LÊ THỊ HỒNG MINH

Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi mua sắm
tại các siêu thị thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên
Research the satisfaction of customers when shopping at supermarkets in Thai Nguyen city-Thai Nguyen province 270

NGUYỄN THỊ THANH NGA

Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ 4G tại Việt Nam
Opportunities and challenges for 4G providers in Vietnam 277

BUI THI HONG NHUNG - DAO THI HOANG ANH - DANG THI HAI YEN

- NGUYEN THI HUONG - TRAN TRONG NAM

Relationship of Credit and farm household incomes: A case study of pig farming
households in Binh Luc, Ha Nam Province, Vietnam
Mối quan hệ giữa tín dụng và thu nhập hộ gia đình nông nghiệp:
Nghiên cứu trường hợp hộ chăn nuôi lợn ở Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam 282

PHẠM THU TRANG - NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Bàn về khái niệm hiệu quả kinh doanh nhằm định hướng xác định tiêu chí đánh giá
hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp

Discussing the concept of business efficiency to determine criteria for assessing business performance of enterprises288

NGUYỄN VĂN NGỌC - PHAN THỊ XUÂN HƯƠNG

Giải pháp thu hút khách du lịch Nga đến Nha Trang - Khánh Hòa

Solutions to attract Russian tourists to Nha Trang - Khanh Hoa294

PHẠM THỊ TRÚC LY - LÊ TẤN BỬU

Các yếu tố thu hút khách hàng của nhãn hàng riêng tại các siêu thị Thành phố Hồ Chí Minh

The factors that attract customers of private label at supermarkets in Ho Chi Minh City302

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - BẢO HIỂM**THÂN THỊ THU THỦY - NGUYỄN THÀNH HƯNG**

Sở hữu nhà nước, xử lý nợ xấu và rủi ro tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

State ownership, dealing with bad debts and risks at commercial banks in Vietnam310

BÙI KIM DUNG - VŨ THỊ ANH THҮ

Các vấn đề tài chính xuất phát từ dòng tiền hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam

Financial problems from operating cash flows of listed firms in Vietnam318

NGUYỄN TRUNG HIẾU

Nhân tố tác động rủi ro vỡ nợ của các doanh nghiệp niêm yết ngành Thủy sản Việt Nam

Risk factors for default of listed companies in the Vietnamese fishery sector324

ĐỖ THỊ DIÊN

Sử dụng công cụ SWOT cho chiến lược hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn Việt Nam trong điều kiện hội nhập và phát triển công nghệ hiện nay

Using the SWOT tool for strategy of Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development
in the context of integration and technology development today329

NGÔ THỊ HƯƠNG GIANG - NÔNG THỊ DUNG

Tăng cường năng lực tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi cung ứng chè tỉnh Thái Nguyên

Strengthening the financial capacity of small and medium company
in the tea product supply chain in Thai Nguyen province335

PHÙNG VIỆT HÀ

Nghiên cứu sự ảnh hưởng của các nhân tố nội tại của ngân hàng thương mại
tới giám sát rủi ro tác nghiệp theo chuẩn mực Basel 2

Study the influence of internal factors of commercial banks on operational risk
monitoring according to the Basel 2 standard340

NGUYỄN THỊ MỸ ĐIỂM

Thực trạng và giải pháp phát triển hoạt động tài chính vi mô tại Việt Nam

Patterns and solutions for development of microfinance in Vietnam345

DO PHUONG HUYEN - NGUYEN TRONG QUYEN - NGUYEN TRA MY

Impact of capital structure on operational efficiency - Evidence from Vietnam

Tác động của cấu trúc vốn đến hiệu quả hoạt động - Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam351

NGUYỄN THỊ PHAN THU

Thị trường lưỡng diện và một số vấn đề nghiên cứu liên quan đến dịch vụ thẻ thanh toán

Two-sided market and some research issues related to payment card services363

NGUYỄN THỊ BÍCH THUẬN

Mô hình chi trả cổ tức của Linter - Bảng chứng thực nghiệm ở Việt Nam

The linter's dividend model - Empirical analysis in Vietnamese 369

KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

PHÍ VĂN TRỌNG

Nâng cao năng lực của Công ty trách nhiệm hữu hạn Deloitte Việt Nam

trong kiểm toán các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Enhancing the capacity of Deloitte Vietnam Limited Liability Company in auditing foreign invested capital enterprises 374

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI - NGUYỄN THỊ THANH LOAN - LÊ THỊ THU

Đánh giá và quản lý rủi ro đối với hệ thống thông tin kế toán trong các công ty chứng khoán Việt Nam

Risk Assessment and Management for Accounting Information Systems in Vietnamese Securities Companies 379

LÊ TRẦN HẠNH PHƯƠNG

Các nhân tố tác động đến áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại các doanh nghiệp Việt Nam

Factors affecting adoption of international accounting standards in Vietnamese firms 385

HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

VÕ THỊ TRINH - NGUYỄN THÀNH CÔNG - NGUYỄN VĂN TÚ

Nghiên cứu thử nghiệm chiết xuất Agar từ rong Gracilariaopsis heteroclada J.F.Zhang & B.M.Xia

Study on optimization Agar extraction techniques of Gracilariaopsis heteroclada J.F.Zhang & B.M.Xia 395

ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP KHAI THÁC THAN HẦM LÒ TẠI QUẢNG NINH

● NGUYỄN THỊ NGỌC ANH - PHẠM THU TRANG

TÓM TẮT:

Điều kiện lao động là một trong những yếu tố quan trọng giúp Việt Nam bước vào hội nhập kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh. Nghiên cứu những yếu tố của điều kiện lao động từ đó cải thiện điều kiện làm việc góp phần nâng cao năng suất lao động, thu hút và giữ chân người lao động, giảm chi phí tuyển dụng đào tạo người lao động, đặc biệt là lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp khai thác than hầm lò tại Quảng Ninh. Bài viết bàn về điều kiện lao động của người lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp khai thác than hầm lò tại Quảng Ninh.

Từ khóa: Điều kiện lao động, lao động trực tiếp, khai thác hầm lò, Quảng Ninh.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn hiện nay, cải thiện điều kiện lao động là một trong những yếu tố quan trọng giúp Việt Nam bước vào hội nhập kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh. Với các doanh nghiệp ở nước ta nói chung và doanh nghiệp khai thác than ở khu vực Quảng Ninh nói riêng, điều kiện lao động tốt sẽ giúp các doanh nghiệp tăng khả năng và hiệu quả tuyển dụng lao động, tăng năng suất lao động và quan trọng hơn nữa, giúp doanh nghiệp giảm tối đa những rủi ro và tai nạn lao động, có thể giữ chân được người lao động, đặc biệt là người lao động có tay nghề cao, giảm chi phí đào tạo, đảm bảo sức khỏe cho người lao động, tăng khả năng và hiệu quả tuyển dụng lao động, tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

2. Khái niệm về điều kiện lao động của người lao động

Theo từ điển Bách khoa Việt Nam - Trang 807, “Điều kiện lao động của người lao động được hiểu là tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kinh tế, kỹ thuật được biểu hiện thông qua các công cụ và phương tiện lao động, đối tượng lao động, quá trình công nghệ, môi trường lao động và sự sắp xếp, bố trí chúng trong không gian và thời gian, sự tác động qua lại của chúng trong mối quan hệ với người lao động tại chỗ làm việc, tạo nên một điều kiện nhất định cho con người trong quá trình lao động”. Theo PGS. TS. Đỗ Minh Cương - Điều kiện lao động trong các doanh nghiệp ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia - 1986 trang 8 có đề cập tới “Điều kiện lao động tại nơi làm việc là tập hợp các yếu tố của

môi trường lao động, các yếu tố vệ sinh, tâm sinh lý, tâm lý xã hội và thẩm mỹ có tác động lên trạng thái, chức năng của cơ thể con người, khả năng làm việc, thái độ lao động, sức khỏe và quá trình tái sản xuất sức lao động và hiệu quả của họ trong hiện tại cũng như về lâu dài.” Như vậy có thể thấy rằng điều kiện lao động là một khái niệm rộng bao gồm rất nhiều yếu tố như công cụ, phương tiện lao động, quá trình công nghệ, môi trường lao động tác động tới trạng thái và khả năng làm việc của người lao động. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp, mỗi ngành cần có những giải pháp kỹ thuật để cải thiện điều kiện lao động cho người lao động nâng cao sức khỏe và tinh thần làm việc của họ. Trong phạm vi bài báo, tác giả đưa ra thực trạng của các yếu tố thuộc vào điều kiện lao động của công nhân hầm lò tại doanh nghiệp khai thác than như điều kiện về môi trường lao động, điều kiện về công nghệ, cường độ làm việc, điều kiện về môi trường xã hội văn hóa và những hậu quả do điều kiện lao động gây ra đối doanh nghiệp. Từ đó đưa ra một số kiến nghị để nâng cao điều kiện làm việc nhằm giải quyết các hậu quả do điều kiện lao động không đảm bảo gây ra.

3. Thực trạng về điều kiện làm việc của người lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp khai thác than tại Quảng Ninh

3.1. Các yếu tố thuộc môi trường lao động

Các yếu tố môi trường lao động như vi khí hậu, tiếng ồn và rung động, ánh sáng, bụi, các hóa chất độc hại. Môi trường lao động trong sản xuất phụ thuộc vào tính chất của quá trình công nghệ và điều kiện khí hậu của từng địa phương.

Ngành khai thác than luôn được xếp vào nhóm nghề nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm. Các công nhân trực tiếp khai thác than đặc biệt là công nhân khai thác than hầm lò luôn phải đối mặt với điều kiện lao động vô cùng khắc nghiệt trong thời gian dài. Môi trường làm việc có nhiệt độ tương đối cao, độ ẩm lớn. Tác giả Lưu Văn Hoát đã nghiên cứu và nhận định về yếu tố nhiệt độ trong hầm lò là một vấn đề rất phức tạp, mặc dù đã có nhiều biện pháp cải thiện điều kiện lao động nhưng công nhân vẫn phải lao động trong những điều kiện vi khí hậu rất khác với tự nhiên. Điều kiện vi khí hậu ngoài trời và trong mỏ có sự chênh lệch rõ rệt cả về mùa hè lẫn mùa đông từ

3 - 7°C Công nhân hầm lò là đối tượng phải làm việc trong điều kiện chật hẹp, càng theo chiều sâu của lò, ánh sáng tự nhiên càng ít nên hầu hết công nhân cần đến hệ thống chiếu sáng nhân tạo chủ yếu từ bình ắc quy cá nhân. Do tính chất lao động của hệ thống công nghiệp, tiếng ồn là vấn đề có liên quan chặt chẽ đến sức khỏe của công nhân. Quá trình khai thác và vận chuyển than tạo nên tiếng ồn lớn tại khu vực khai thác và vùng lân cận. Tiếng ồn cao, vượt tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng nhiều tới sức khỏe của người công nhân làm việc trực tiếp tại nơi khai thác. Các nguồn gây ô nhiễm chính là máy khoan, tiếng nổ mìn, máy ủi, máy xúc, và tiếng ồn do các phương tiện vận tải. Trong nghiên cứu của Dương Thị Lan cho thấy tiếng nổ mìn khai thác than có thể vượt 100dBA ở khoảng cách 300m hầu hết các điểm đo cường độ tiếng ồn đều vượt tiêu chuẩn cho phép.

3.2. Các yếu tố quy trình công nghệ, cường độ làm việc

Các yếu tố thuộc kỹ thuật, tổ chức lao động bao gồm máy móc, thiết bị, nhà xưởng, bố trí vị trí lao động, phương pháp hoạt động, thao tác, chế độ lao động nghỉ ngơi, chế độ ca kíp, thời gian lao động...

Mô hình khai thác than hầm lò hiện nay

Khai thác than dưới các hầm mỏ sâu dưới lòng đất gây nguy hiểm cho con người với độ rủi ro cao, không khí dưới hầm lò bị ô nhiễm do bụi, khí than, để chống lò phải tiêu hao một lượng gỗ nhất định và có thể xảy ra các tai nạn hầm lò như sụt, lún hầm, nổ khí than.

Khai thác than hầm lò có nhiều loại: Lò giếng, lò nghiêng, lò bằng, nhưng đều có cấu tạo 4 loại đường lò chính gồm:

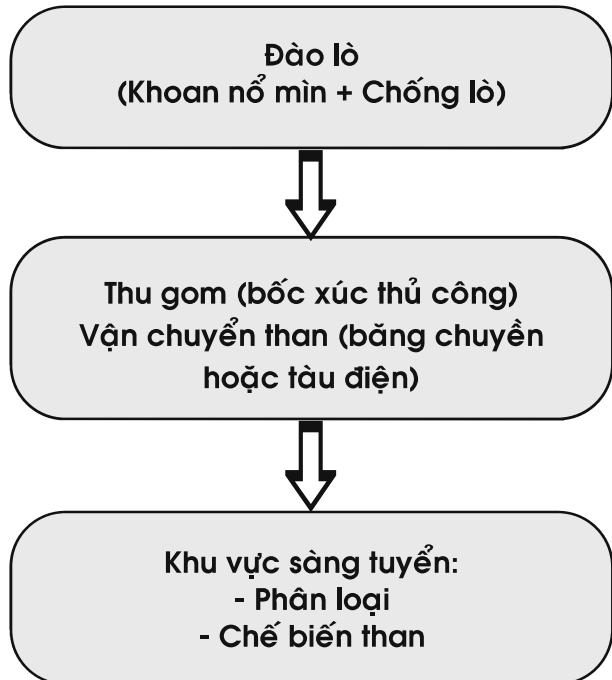
- Lò cái: Là đường lò để vận chuyển than và đất đá ra ngoài cũng như giúp đưa các thiết bị, máy móc vào lò.

- Lò chợ và lò nhánh: Là nơi khai thác than chủ yếu, tuy nhiên vì đường lò thấp nên đây là vị trí xuất hiện nhiều yếu tố nguy cơ nhất như nhiệt độ cao, thông khí kém, bụi, người lao động phải làm việc trong tư thế gò bó...

- Lò thượng: Chủ yếu để thông gió hoặc đặt quạt máy.

Kỹ thuật khai thác chủ yếu gồm có 3 khâu chính:

Mô hình khai thác than hầm lò



- Khoan, bắn mìn: Bằng khoan hơi hoặc khoan điện. Khoan hơi ở những vỉa đá, khoan điện ở những vỉa than. Hiện nay, người ta sử dụng cả khoan khô hoặc khoan ướt nhưng chủ yếu vẫn là khoan khô nên nồng độ bụi rất cao. Ngoài ra thuốc mìn khi nổ sinh ra nhiều hơi khí độc, mùi hắc, khó chịu.

- Chống lò: Hiện nay sử dụng các vỉ gỗ, sắt, xi măng để chống lò, chỉ một số ít các nhà máy sử dụng công nghệ thủy lực - là công nghệ hiện đại, giúp làm tăng chỉ số an toàn khi lao động, hạn chế bụi túi hơi, túi khí... tăng năng suất lao động.

- Cuốc than: Chủ yếu bằng thủ công, dùng cuốc chim để cuốc. Có thể dùng búa hơi nhưng chỉ khi đường lò đủ rộng, ngoài ra búa hơi gây rung chuyển và gây bụi nhiều hơn so với cuốc tay.

- Vận chuyển: Đất đá của quá trình đào lò, đào giếng chuẩn bị mở vỉa cũng như than nguyên khai ở gương lò chợ được xúc bốc thủ công và chuyển ra bằng băng tải. Từ băng tải được rót xuống các goong ở đầu lò chợ, mỗi goong nặng 1 tấn được công nhân đẩy ra lò cái, từ đó lên bãi chứa trên mặt khai trường bằng tàu điện và trực tải. Toàn bộ đất đá thải kể cả các đá kẹp trong than sau khi sàng tuyển được bốc xúc bằng máy

xúc kết hợp thủ công và vận tải từ mặt khai trường ra bãi thải.

Những năm gần đây, độ sâu khai thác của các mỏ hầm lò ngày càng tăng, trong thời gian tới, một số mỏ có thể đạt tới độ sâu -300 đến -550m so với mực nước biển. Khi độ sâu khai thác tăng, việc thông gió diễn ra khó khăn làm cho nhiệt độ trong hầm lò tăng, dẫn đến khả năng gây hấp thụ oxy của than cũng tăng... Chính các yếu tố này sẽ làm gia tăng tính tự cháy của than.Thêm vào đó, càng xuống sâu, mức độ về điều kiện lao động giảm sút, thao tác làm việc của thợ lò gặp nhiều khó khăn vất vả do tư thế làm việc bị gò bó, độ rủi ro trong lao động tăng lên như sụt lún hầm, nổ khí than...

Về công nghệ, Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam đang dần cải thiện, đầu tư sang công nghệ mới hiện đại, tuy nhiên hầu hết các mỏ hiện nay vẫn đang khai thác bằng những công nghệ cũ, lạc hậu. Việc sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của công nhân, gây mất an toàn trong sản xuất và làm giảm năng suất lao động. Mặc dù trên thế giới, công nghệ khai thác lò giếng đứng đã được nghiên cứu và áp dụng từ lâu thì tại Việt Nam chúng ta mới có những bước đi đầu tiên trong việc tự chủ thiết kế và thi công các lò giếng đứng bằng máy móc và thiết bị hiện đại. Tuy nhiên, các doanh nghiệp than gặp rất nhiều khó khăn khi áp dụng công nghệ mới như chi phí quá cao, người lao động không có khả năng vận hành, làm chủ máy móc dẫn tới việc các doanh nghiệp đi theo lối mòn, áp dụng công nghệ sản xuất lạc hậu khiến điều kiện làm việc của thợ mỏ vẫn chưa được cải thiện.

Về thời gian làm việc, công nhân tại các hầm lò được chia làm 3 ca: Mỗi ca lao động 8 giờ, nghỉ giữa ca 30 phút, 1 tuần đổi ca 1 lần. Cường độ làm việc cao, tư thế làm việc luôn gò bó, đơn điệu, không phù hợp với tâm sinh lý của người lao động. Tổ chức lao động không hợp lý như thời gian lao động kéo dài, cường độ lao động nặng nhọc, khẩn trương có thể gây rất nhiều tác hại lên sự cân bằng trạng thái sinh lý, sinh hoá của cơ thể người lao động. Những công việc trong hầm lò không được sử dụng lao động nữ và lao động chưa thành niên do tính chất nghề nghiệp nặng nhọc, độc hại vì đòi hỏi công nhân phải có đủ sức khỏe, trình độ nghề cao, kỷ luật lao động chặt chẽ để hạn chế rủi ro nghề nghiệp.

3.3. Các yếu tố thuộc môi trường xã hội

Những yếu tố thuộc môi trường văn hóa xã hội như dân số, văn hóa, phong cách và lối sống, hôn nhân và gia đình... cũng ảnh hưởng trực tiếp tới tâm lý lao động của công nhân hầm lò.

Do các định kiến xã hội về nghề trong những năm gần đây như nghề nặng nhọc độc hại, nguy hiểm, “ăn cơm dương gian, làm việc âm phủ”, vất vả mà mức thu nhập không tương xứng khiến cho những người thợ mỏ không có tâm huyết với nghề, luôn thường trực tâm lý bỏ nghề hoặc chuyển sang khối phòng ban trong điều kiện cho phép. Bên cạnh việc giữ chân công nhân thì việc thu hút thợ lò gặp rất nhiều khó khăn. Trường Cao đẳng Nghề than TKV phải đến tận vùng sâu, vùng xa để tuyển học viên người dân tộc thiểu số (trước đây số học viên dân tộc thiểu số chỉ chiếm khoảng 20% tổng lượng học viên, nay lên tới 50%; trong khi đó, số học viên ở khu vực đồng bằng Bắc bộ luôn chiếm trên 60% thì nay giảm xuống dưới 30%). Chính vì vậy nhận thức, phong tục của người dân tộc ảnh hưởng tới tâm lý, tinh thần làm việc của người lao động như sẵn sàng bỏ việc theo số đông, không thích làm việc... mặc dù thu nhập khá cao.

3.4. Một số hậu quả do điều kiện làm việc không đảm bảo

Điều kiện làm việc luôn trong tình trạng nặng nhọc, căng thẳng, vất vả và chưa đựng rủi ro khiến tình trạng người lao động không muốn gia nhập ngành hoặc bỏ nghề. Theo số liệu thống kê của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, trong giai đoạn 2014 - 2017, tình hình tuyển dụng công nhân khai thác than hầm lò tương đối khó khăn, tỷ lệ công nhân khai thác than hầm lò bỏ việc đã có xu hướng giảm so với giai đoạn 2010 - 2013 nhưng vẫn ở mức 10% - 15% đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc tuyển dụng và sử dụng lao động, điều hành và ổn định sản xuất cũng như tăng năng suất lao động. Đặc biệt, 6 tháng đầu năm 2017, tỉ lệ thợ lò bỏ việc tính trên số tuyển sinh mới tăng đột biến, với tỉ lệ xấp xỉ 100% - nghĩa là tuyển 1, bỏ 1 - khiến ngành Than phải triệu tập một hội nghị khẩn cấp nhằm tìm các giải pháp thu hút và giữ chân thợ lò. Theo Công đoàn TKV, nếu như năm 2016, số thợ lò bỏ việc là 1.121 người thì chỉ 6 tháng đầu năm 2017 đã có 1.136 thợ lò bỏ việc, cũng chưa kể hàng trăm thợ cơ điện hầm lò xin thôi việc. Tuy nhiên, con số thực có thể

còn lớn hơn bởi theo tìm hiểu của tác giả, có những công ty thuộc TKV mỗi năm có tới hàng trăm thợ lò bỏ việc. Bên cạnh đó việc thu hút công nhân gặp rất nhiều khó khăn. Theo kế hoạch được Chính phủ giao, đến năm 2020, ngành Than phải đạt sản lượng 42 triệu tấn than thương phẩm/năm. Vì vậy, ước tính để có đủ lực lượng làm ra sản lượng trên, mỗi năm ngành Than cần bổ sung từ 7.000 - 9.000 thợ lò. Nhưng trên thực tế việc thu hút tuyển sinh gặp vô cùng khó khăn do tâm lý của người lao động ngại khó ngại độc hại, sợ mất an toàn lao động... Theo thống kê, cả năm 2017 chỉ tuyển được 2.000 thợ lò đạt hơn 50% so với kế hoạch đặt ra.

Môi trường làm việc với nhiều yếu tố độc hại dẫn đến công nhân than bị mắc nhiều loại bệnh nghề nghiệp khác nhau đặc biệt là các bệnh về đường hô hấp. Hầu hết các nghiên cứu y khoa đều cho thấy tỷ lệ bệnh mũi họng ở công nhân khai thác than khá cao. Bên cạnh vấn đề bệnh lý thì khai thác than là ngành nghề có nhiều nguy cơ gây tai nạn lao động, thậm chí ở mức độ nghiêm trọng do sạt lở tầng khai thác, sạt lở bãi than... (ở mỏ lộ thiên) và nổ khí, bục nước, sập lò... (ở mỏ hầm lò) làm chết và bị thương nặng nhiều người. Năm 2016 - 2017, ngành Than đã xảy ra hơn 30 vụ tai nạn lao động nghiêm trọng với số người chết là 41 người.

4. Một số kiến nghị

(1) Nhóm giải pháp về công nghệ

Đầu tư trang thiết bị nhằm cải thiện môi trường làm việc cho công nhân hầm lò như nâng cao mức độ cơ giới hóa trong việc khai thác như chống thủy lực (cột thủy lực đơn, giá thủy lực di động và khung giá di động), lò chợ cơ giới hóa đồng bộ sử dụng máy khai thác combai vào sản xuất. Đồng bộ thiết bị cơ giới hóa khai thác gồm máy combai khai than, giàn chống tự hành Vinaalta, máng cào và đồng bộ thiết bị phụ trợ. Trên cơ sở áp dụng thành công tại Công ty Than Nam Mẫu, Vàng Danh, Tập đoàn TKV cần có các biện pháp nhân rộng mô hình, đào tạo, hướng dẫn chuyển giao công nghệ tại các doanh nghiệp trong Tập đoàn. Trong công tác đào chống lò, nhiều giải pháp công nghệ cần được triển khai áp dụng vào sản xuất như công nghệ chống lò thành vi neo, neo chất dẻo cốt thép, bê tông phun, bê tông cốt liệu nhẹ... Song song với công tác đổi mới công nghệ trong khâu đào lò và khai thác, công tác cơ giới hóa khâu vận tải mỏ cũng cần được triển khai thực hiện. Một số loại hình vận

chuyển công nhân đã được áp dụng tại các mỏ hầm lò như tời hỗ trợ người đi bộ, tời vô cực vận chuyển người, hệ thống monoray kết hợp đầu tàu diezen... Qua đó không chỉ đảm bảo sức khỏe người thợ, rút ngắn thời gian di chuyển, tăng thời gian lao động hữu ích, tăng năng suất lao động mà quan trọng hơn là hạn chế được tối đa tai nạn lao động.

Cùng với việc cơ giới hóa trong khai thác, ngành Than cần đầu tư đồng bộ các thiết bị an toàn như máy khoan thăm dò, phòng sự cố bục khí, bục nước; thiết bị an toàn phòng nổ hầm lò, hệ thống giám sát tự động khí mê tan đã cơ bản kiểm soát khí 24/24h ở các nơi làm việc; hệ thống tự động giám sát người ra, vào mỏ, hệ thống chỉ huy sản xuất tập trung qua màn hình internet... nhằm nâng cao mức độ an toàn trong sản xuất, giảm ô nhiễm môi trường.

(2) Nhóm giải pháp cải thiện đời sống người thợ lò

Hình thành cả chuỗi dịch vụ chăm sóc khi công nhân từ lúc vào lò cho tới khi ra khỏi cửa lò: Vào công trường, thợ lò được ăn tự chọn ngay đầu và cuối các ca sản xuất. Giữa ca được ăn bồi dưỡng. Sau khi hoàn thành một ca làm việc, người thợ lò cần có thời gian nghỉ ngơi, tắm nước nóng và rửa mũi nhằm ngăn ngừa bụi than xâm nhập vào sâu, hạn chế bệnh bụi phổi và bệnh nghề nghiệp khác. Tiếp đó, thợ lò được ăn trái cây, uống cà phê, uống trà tại nhà nghỉ dưỡng với trang bị hiện đại như nhà chờ sân bay để phục hồi sức khỏe sau một ca làm việc, rồi đến nhà ăn cuối ca tự chọn... Chuỗi dịch vụ chăm sóc này đã được thí điểm tại Công ty Than Mạo Khê và nhận được phản hồi tốt của người lao động, vì vậy cần

được nhân rộng tại các doanh nghiệp khai thác khác nhằm sớm phục hồi sức khỏe cho công nhân khai thác.

Đối với công tác chăm sóc sức khỏe y tế, công nhân, thợ lò, mỗi năm được khám định kỳ 2 lần. Những lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm, hoặc tiếp xúc với các yếu tố có hại, có khả năng mắc bệnh bụi phổi nghề nghiệp được chăm lo chiều sâu, khám sàng lọc bệnh...

Tăng cường vấn đề an cư, ổn định chỗ ở cho người lao động, đặc biệt là lao động trực tiếp. Quan tâm chăm sóc tốt hơn tới người lao động, tăng cường các hoạt động thăm, tặng quà gia đình công nhân khó khăn, gia đình chính sách, gia đình có thân nhân chết do tai nạn lao động, công nhân lao động xuất sắc; xây mái ấm công đoàn;... Xây dựng lộ trình giải pháp tăng lương, trả lương xứng đáng cho thợ lò để họ đảm bảo cuộc sống của bản thân và gia đình. Cùng với đó, phải luôn tôn trọng và đặc biệt quan tâm việc ứng xử sao cho phù hợp với thợ lò và hài hòa mối quan hệ lao động trong doanh nghiệp, từng bước xây dựng được văn hóa cộng đồng với những nét riêng cho thợ mỏ.

5. Kết luận

Nghiên cứu các yếu tố thuộc vào điều kiện lao động để từ đó cải thiện điều kiện lao động đảm bảo an toàn là một trong những biện pháp quan trọng giúp doanh nghiệp khai thác than ổn định được lao động nói chung và công nhân hầm lò nói riêng, tăng năng suất lao động, tăng khả năng và hiệu quả tuyển dụng lao động và quan trọng hơn nữa là giúp doanh nghiệp giảm tối đa những rủi ro và tai nạn lao động, có thể giữ chân được người lao động, đặc biệt là người lao động có tay nghề cao ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lưu Văn Hoát (1981), Góp phần nghiên cứu bệnh phổi nhiễm bụi Silic (Silicosis) trong công nhân vùng mỏ than Quảng Ninh, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
2. Dương Thị Lan (2010), Nghiên cứu hoạt động khai thác than tỉnh Thái Nguyên trên quan điểm phát triển bền vững, Luận văn Thạc sĩ khoa học địa lý, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
3. Từ điển Bách khoa Việt Nam, NXB Từ Điển Bách Khoa (2005)
4. <http://www.vinacomin.vn/>

Ngày nhận bài: 13/04/2018

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/04/2018

Ngày chấp nhận đăng bài: 03/05/2018

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Email: ngocanh.nt159@gmail.com

ThS. PHẠM THU TRANG

Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Email: spring83b@gmail.com

LABOR CONDITIONS OF WORKERS IN UNDERGROUND COAL MINING ENTERPRISES IN QUANG NINH

● MA. NGUYEN THI NGOC ANH

● MA. PHAM THU TRANG

Hanoi University of Mining and Geology

ABSTRACT:

Labor conditions are one of the important factors for Vietnam to enter into economic integration and improve its competitiveness. Studying the factors of working conditions, thereby improving working conditions, contributing to improving labor productivity, attracting and retaining workers, reducing labor recruitment costs, especially labor costs in the coal mining business in Quang Ninh. The article discusses the working conditions of the direct workers in the coal mining enterprises in Quang Ninh.

Keywords: Labor conditions, direct labor, mining, Quang Ninh.